

Bản án số: 261/2022/HS-ST

Ngày: 22/6/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Chánh

2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Lê Duy Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 127/2022/TLST-HSST ngày 22 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 139/2022/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 4 năm 2022 và Thông báo số 657/TB-TA ngày 26/4/2022 về việc dời ngày xét xử và Thông báo số 657A/TB-TA ngày 10/6/2022 về thời gian mở phiên tòa xét xử vụ án hình sự, đối với bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Ngọc Đ**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không;

Sinh năm 1984 tại Đồng Nai;

Nơi cư trú: 26/1, tổ 3, khu phố N, phường H, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 1/12; Nghề nghiệp: không; Con ông Nguyễn Văn N, sinh năm: 1947 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Ch sinh năm: 1960 (đã chết). Gia đình bị cáo có 03 chị em, bị cáo là con thứ 3 và chưa có vợ, con;

* Tiền án:

- Ngày 22 tháng 5 năm 2003 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 07 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, theo Bản án số 208/HSST. Ngày 20 tháng 8 năm 2003, Tòa phúc thẩm tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm tuyên y án sơ thẩm, theo Bản án số 1430/PTHS; (Chưa xóa án tích).

- Ngày 16 tháng 9 năm 2009 bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 06 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, theo Bản án số 505/2009/HSST; (Chưa xóa án tích).

- Ngày 13 tháng 5 năm 2015 bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, theo Bản án số 219/2015/HSST. (Chưa xóa án tích).

- Ngày 27 tháng 4 năm 2018, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, theo Bản án số 141/2018/HSST. (Chưa xóa án tích).

* Tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24 tháng 11 năm 2021. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an thành phố Biên Hòa. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Huỳnh Di Q**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Đèo.

Sinh năm 1986 tại Đồng Nai;

Nơi cư trú: 127B, tổ 20, khu phố T, phường H, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: không; Con ông Huỳnh Bảo Th, sinh năm: 1965 và bà Lương Thị H, sinh năm: 1963. Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Vợ thứ nhất là Trần Ngọc Hoài Th, sinh năm 1991(đã ly hôn) và có 02 con chung (con sinh năm 2009 và con năm 2010); Vợ thứ hai là Hoàng Mỹ L, sinh năm 1995 và có 02 con chung (con sinh năm 2014 và con sinh năm 2016);

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24 tháng 11 năm 2021. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an thành phố Biên Hòa. Có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Đoàn Anh V**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: không;

Sinh năm 1984 tại Đồng Nai;

Nơi ĐKTT: 30/9, KP Quyết Thắng, phường B, TP. D, tỉnh Bình D.

Nơi cư trú: Tổ 67, khu phố 3, phường B, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Trình độ học vấn: 4/12; Nghề nghiệp: không; Con ông Đoàn H, sinh năm 1961 và bà Kiều Thị D, sinh năm 1962. Gia đình bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con lớn nhất; Vợ thứ nhất là Bùi Thị Th (đã ly hôn) và có 02 con chung (con sinh năm 2006 và con năm 2009); Vợ thứ hai là Nguyễn Thị Như Ý, sinh năm 1989 và có 01 con chung sinh năm 2020;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 20 tháng 12 năm 2017 bị Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xử phạt 02 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo Bản án số

80/2017/HSST. Chấp hành xong hình phạt hình phạt ngày 20/01/2019 và các quyết định khác trong bản án (đã được xóa án tích).

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 24 tháng 11 năm 2021. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an thành phố Biên Hòa. Có mặt tại phiên toà.

4. Họ và tên: **Lê Văn D**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không;

Sinh năm 1990 tại Thanh Hóa;

Nơi cư trú: Không xác định (Nơi đăng ký thường trú tại: Đội 7, xã Yên Trung, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa);

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 9 /12; Nghề nghiệp: không; Con ông Lê Quang Đạo, sinh năm: 1971 và bà Lưu Thị Th (không rõ năm sinh). Gia đình bị cáo có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ 4; Có vợ: Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1989 và có 01 người con sinh năm 2021.

Tiền án, tiền sự: Không;

Hiện bị cáo đang bị tạm giam trong vụ án khác tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương (theo Quyết khởi tố vụ án hình sự số 489 ngày 09/11/2021 và Lệnh tạm giam số 604 ngày 09/11/2021 của Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an của thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương). Bị cáo có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên toà.

- Bị hại:

1. Ông Võ Trọng H, sinh năm 1963; Địa chỉ: 90/5/18, khu phố 3, phường Q, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

2. Anh Trần Đức Nam, sinh năm 1999; Địa chỉ: Tổ 3, khu phố 2A, phường T, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Ngọc Đ, Huỳnh Di Q, Đoàn Anh V và Lê Văn D là bạn bè với nhau. Để có tiền tiêu xài, trong khoảng thời gian từ ngày 12 tháng 9 năm 2021 đến ngày 23 tháng 11 năm 2021, Đ đã thực hiện 02 vụ “Trộm cắp tài sản” trên địa bàn thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, sau đó đưa cho Q, V và D tiêu thụ, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 14 giờ 00 phút, ngày 12 tháng 09 năm 2021, Nguyễn Ngọc Đ đi bộ đến Hẻm số 90, khu phố 3, phường Quyết Thắng thì phát hiện trong sân nhà anh Võ Trọng H (sinh năm 1963) tại địa chỉ số 90/5/18 có dựng 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Lenova biển số 60T9-2835 không có người trông coi, trên xe có cắm sẵn chìa khóa nên Đ lén lút đột nhập vào trong sân lấy trộm chiếc xe trên rồi điều khiển xe về khu nghĩa địa gần chỗ ở của Đ thuộc khu phố Nhất Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa cất giấu. Đến 16 giờ 00 phút cùng ngày, Đ

gặp Huỳnh Di Q, nói cho Q biết việc Đ đã lấy trộm chiếc xe trên và nhờ Q tìm nơi bán xe thì được Q đồng ý. Sau đó, theo chỉ dẫn của Q, Đ điều khiển xe vừa trộm cắp được chở Q đi đến gặp Đoàn Anh V và Lê Văn D tại nhà trọ thuộc tổ 67, khu phố 3, phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa. Tại đây, Q nói cho V và D biết về nguồn gốc chiếc xe do Đ mới trộm cắp được, nhờ V và D mang xe đi bán thì được V và D đồng ý. Sau đó, D điều khiển xe mô tô biển số 60T9-2835 do Đ trộm cắp được chở V đi đến khu vực thuộc phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa để tìm chỗ bán thì bị anh Nguyễn Hùng B (sinh năm 1997, ngụ tại khu phố 2, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, là con rể của ông H) phát hiện nên tri hô người dân bắt giữ được V và D, trình báo với Công an phường Thanh Bình lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa xử lý. Đến ngày 14 tháng 11 năm 2021, Đ, Q, V và D đã bị khởi tố để điều tra xử lý.

Vật chứng vụ án gồm: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Lenova, biển số 60T9-2835, tạm giữ được của V và D, là tài sản của ông Võ Trọng Hiếu bị Đ trộm cắp nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã trả lại cho ông Hiếu.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 385/KL-HĐĐGTS ngày 13 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Biên Hòa kết luận: “01 chiếc xe mô tô, biển số 60T9-2835, trị giá là 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*)”.

Về dân sự: Bị hại là ông Võ Trọng Hiếu đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 23 giờ 00 phút, ngày 23 tháng 11 năm 2021, Nguyễn Ngọc Đ một mình điều khiển xe mô tô biển số 60B1-663.65 đi đến khu vực phường Trảng Dài tìm tài sản để trộm cắp. Khi đi đến dãy phòng trọ tại địa chỉ tổ 3, khu phố 2A, phường Trảng Dài thì Đ phát hiện 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Gravita, biển số 38K1-362.36 của anh Trần Đ Nam (sinh năm 1999, ngụ tại xã Lâm Hạp, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh) đang dựng bên trong dãy phòng trọ, không có người trông coi, Đ liền dựng xe biển số 60B1-663.65 ở ngoài cổng rồi đi bộ vào bên trong lấy trộm chiếc xe mô tô biển số 38K1-362.36 và dắt chiếc xe di chuyển ra ngoài được khoảng 15m thì bị anh Nam phát hiện tri hô bắt giữ Đ giao cho Công an phường Trảng Dài lập hồ sơ chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa điều tra xử lý.

Vật chứng vụ án gồm:

- 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, biển số 38K1-362.36 là tài sản của anh Trần Đ Nam bị Đ trộm cắp nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã trả lại cho anh Nam.

- 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave, biển số 60B1-663.65, là phương tiện Đ sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 488/KL-HĐĐGTS ngày 02 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Biên Hòa

kết luận: “01 chiếc xe mô tô, biển số 38K1-362.36, trị giá là 11.500.000 đồng (Mười một triệu, năm trăm nghìn đồng)”.

Về dân sự: Bị hại là anh Trần Đ Nam đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường.

Tại cáo trạng số 149/CT/VKS-HS ngày 21 tháng 3 năm 2022, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa truy tố bị cáo:

- **Nguyễn Ngọc Đ** về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình Sự;

- **Huỳnh Di Q, Đoàn Anh V và Lê Văn D** về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình Sự;

Tại phiên tòa, các bị cáo **Nguyễn Ngọc Đ, Huỳnh Di Q, Đoàn Anh V** khai nhận như đã khai tại cơ quan điều tra, công nhận nội dung bản cáo trạng đã truy tố các bị cáo là đúng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội nêu tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo theo điều, khoản và tội danh nêu trên; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo như sau:

- Tình tiết tăng nặng:

Bị cáo Nguyễn Ngọc Đ: “Phạm tội 02 lần trở lên”, quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự;

Các bị cáo Huỳnh Di Q, Đoàn Anh V và Lê Văn D không có tình tiết tăng nặng.

- Tình tiết giảm nhẹ: Cả 04 bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải (quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự). Riêng bị cáo Huỳnh Di Q và Lê Văn D: “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” (quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự).

Đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Ngọc Đ, từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù;

Bị cáo Huỳnh Di Q, từ 10 đến 12 tháng tù.

Bị cáo Đoàn Anh V từ 08 đến 10 tháng tù.

Bị cáo Lê Văn D từ 08 đến 10 tháng tù.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Ngọc Đ, Huỳnh Di Q, Đoàn Anh V không có ý kiến bào chữa, tranh luận đối với lời luận tội của đại diện Viện Kiểm sát.

- Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an TP. Biên Hòa, Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Đối với bị cáo Lê Văn D đã có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt tại phiên tòa, có xác nhận của Nhà tạm giữ Công an thành phố Thuận An, tỉnh Bình D. Xét thấy, việc vắng mặt của bị cáo Lê Văn D là tự nguyện và sự vắng mặt của bị cáo không gây trở ngại cho việc xét xử; căn cứ điểm c khoản 2 Điều 290 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét thấy, lời khai nhận tội của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở xác định:

Vào các ngày 12 tháng 9 năm 2021 và ngày 23 tháng 11 năm 2021, Nguyễn Ngọc Đ đã thực hiện 02 vụ “Trộm cắp tài sản” trên địa bàn thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, cụ thể:

- *Vụ thứ nhất:* Vào khoảng 14 giờ 00 phút, ngày 12 tháng 09 năm 2021, tại địa chỉ nhà số 90/5/18 khu phố 3, phường Quyết Thắng, Đ đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của anh Võ Trọng Hiếu 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Lenova biển số 60T9-2835, trị giá 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) sau đó tìm người để tiêu thụ.

Mặc dù, biết rõ tài sản do Đ trộm cắp mà có nhưng Huỳnh Di Q, Đoàn Anh V và Lê Văn D vẫn đồng ý mang chiếc xe nêu trên đi tiêu thụ thì bị phát hiện bắt giữ.

- *Vụ thứ hai:* Vào khoảng 23 giờ 00 phút, ngày 23 tháng 11 năm 2021, tại nhà trọ không số, địa chỉ tổ 3, khu phố 2A, phường Trảng Dài, Đ có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của anh Trần Đ Nam 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, biển số 38K1-362.36, trị giá là 11.500.000 đồng (Mười một triệu, năm trăm nghìn đồng) thì bị bắt giữ, điều tra xử lý.

Tổng giá trị tài sản bị cáo Đ trộm cắp được là 14.500.000 đồng (Mười bốn triệu, năm trăm nghìn đồng);

Trị giá tài sản các bị cáo Q, V và D tiêu thụ là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

[3] Về tội danh và khung hình phạt:

Xét thấy, hành vi của bị cáo **Nguyễn Ngọc Đ** đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 của Bộ luật

Hình sự. Bị cáo có nhiều tiền án, đã tái phạm chưa được xoá án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, nên bị cáo phạm vào tình tiết định khung trách nhiệm hình sự “*Tái phạm nguy hiểm*” quy định tại điểm g khoản 2 Điều Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Bị cáo **Huỳnh Di Q, Đoàn Anh V và Lê Văn D**, mặc dù không hứa hẹn trước và các bị cáo đã biết rõ chiếc xe mô tô nhãn hiệu Lenova biển số 60T9-2835 là do bị cáo Đ trộm cắp mà có, nhưng vì mục đích để có tiền tiêu xài cá nhân mà các bị cáo vẫn đồng ý mang chiếc xe nêu trên đi tiêu thụ. Vì vậy, hành vi của các bị cáo **Huỳnh Di Q, Đoàn Anh V và Lê Văn D** đủ yếu tố cấu thành tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Như vậy, cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân thành phố Biên Hòa đã truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi của mình.

[4] Vai trò đồng phạm và tính chất, mức độ hành vi:

Xét thấy, bị cáo Đ là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên bị cáo là người có vai trò chính trong vụ án. Bị cáo Q là người có hành vi rủ rê các bị cáo V và D thực hiện hành vi tiêu thụ tài sản do Đ trộm cắp mà có; Bị cáo V và D là người tích cực và trực tiếp đem tài sản do Đ trộm cắp mà có để đi tiêu thụ. Do đó, các bị cáo Q, V và D có vai trò đồng phạm ngang nhau về hành vi “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương, gây bất bình cho quần chúng nhân dân. Do vậy, cần áp dụng hình phạt nghiêm, tưng xúng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và có tác dụng răn đe, đấu tranh phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng:

Bị cáo Nguyễn Ngọc Đ 02 lần thực hiện hành vi phạm tội, nên bị cáo phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*”, quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Huỳnh Di Q, Đoàn Anh V và Lê Văn D không có tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ:

Xét thấy, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải (đối với bị cáo Đ, mặc dù lúc đầu còn khai quanh co về hành vi trộm cắp lần thứ hai, nhưng qua xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi đúng như cáo trạng đã truy tố bị cáo, không có ý kiến bào chữa về hành vi này, nên cần xem xét cho bị cáo). Do đó, cả 04 bị cáo Đ, Q, V, D đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Huỳnh Di Q và Lê Văn D: “*Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm*

trọng”, nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào các tình tiết nêu trên, áp dụng Điều 58 Bộ luật Hình sự Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ khi quyết định mức hình phạt đối với các bị cáo.

[6] Về vật chứng trong vụ án:

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave, biển số 60B1-663.65, là phương tiện bị cáo Đ sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội. Kết quả xác minh chưa xác định được nguồn gốc và chủ sở hữu nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa tiếp tục xác minh xử lý sau.

- Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Lenova, biển số 60T9-2835 là tài sản của ông Võ Trọng Hiếu và 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, biển số 38K1-362.36 là tài sản của anh Trần Đ Nam, bị Đ trộm cắp nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã trả lại cho ông Hiếu và anh Nam, nên không đặt ra xem xét.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là ông Võ Trọng Hiếu và anh Trần Đ Nam đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường, nên không đặt ra giải quyết.

[8] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án.

[9] Đối với phần trình bày và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa tại phiên tòa, xét thấy tương đối phù hợp với những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi quyết định về vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Ngọc Đ** phạm tội “Trộm cắp tài sản”; các bị cáo **Huỳnh Di Q, Đoàn Anh V và Lê Văn Đ** phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

2. Về hình phạt:

2.1. Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; **Xử phạt: Nguyễn Ngọc Đ 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù.** Thời hạn tù tính từ ngày 24/11/2021.

2.2. Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; **Xử phạt: Đoàn Anh V 08 (Tám) tháng tù.** Thời hạn tù tính từ ngày 24/11/2021.

2.3. Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Huỳnh Di Q 08 (Tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/11/2021.

Xử phạt: Lê Văn D 08 (Tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo **Nguyễn Ngọc Đ, Huỳnh Di Q, Đoàn Anh V và Lê Văn D, mỗi bị cáo** phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo **Nguyễn Ngọc Đ, Huỳnh Di Q, Đoàn Anh V** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị cáo Lê Văn D, bị hại ông Võ Trọng Hiếu và anh Trần Đ Nam, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP Biên Hòa;
- Thi hành án hình sự;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Trại giam TP Biên Hòa;
- Bị cáo;
- Lưu HS, VP.

Đã ký

Trần Văn Hùng

